TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ - ST
Ngày 20 - 3 - 2019
V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Bùi Hữu Khánh**

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 589/2018/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Ngô Kiều D** – sinh năm 1969 (Có mặt)

Cư trú tại: ấp Đ, thị trấn C, huyện C, Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Tấn T** – sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Cư trú tại: ấp Đ, thị trấn C, huyện C, Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2018 và tại phiên tòa, chị Ngô Kiều D trình bày:

Về hôn nhân: Chị D và anh Huỳnh Tấn T kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, đến tháng 4/2011 thì có phát sinh mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống thường hay cự cải nhau, anh T không quan tâm đến gia đình, anh T đi làm ăn xa không về bỏ mẹ con chị, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Tấn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có một người con tên Huỳnh N, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2011. Hiện con đang sống chung với Chị D. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Huỳnh Tấn T kể từ khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử và giấy triệu tập đương sự, nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Ngày 23/01/2019 anh Huỳnh Tấn T có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung anh đồng ý ly hôn với Chị D, đồng ý giao con tên Huỳnh N, sinh năm 2011 cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con. Nếu Chị D không trực tiếp nuôi con thì anh sẽ nuôi con và không yêu cầu Chị D cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Ngô Kiều D và anh Huỳnh Tấn T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị Ngô Kiều D và anh Huỳnh Tấn T có địa chỉ tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị Ngô Kiều D và anh Huỳnh Tấn T kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND x thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì chị Ngô Kiều D có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của Chị D đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó Tòa án nhân dân huyện C không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục

chung và triệu tập anh T hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa. Ngày 23 tháng 01 năm 2019 anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa Chị D và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống thường hay cự cải nhau, anh T không quan tâm đến gia đình, anh T đi làm ăn xa không về bỏ mẹ con Chị D, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Tại đơn xin vắng mặt ngày 23/01/2019, anh T đồng ý ly hôn với Chị D, thống nhất giao con chung tên Huỳnh N, sinh năm 2011 cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của Chị D và anh T .

Về con chung: Chị D xác định vợ chồng có một con chung tên Huỳnh N, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2011. Hiện con đang sống chung với Chị D.

Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N. Tại đơn xin vắng mặt ngày 23/01/2019 anh T các định nếu Chị D không trực tiếp nuôi con thì anh sẽ nuôi con và không yêu cầu Chị D cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản làm việc ngày 20/3/2019 của Tòa án thì cháu N có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho Chị D nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp quy định khoản 2 tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này Chị D và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì Chị D và anh T đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Ngô Kiều D và anh Huỳnh Tấn T phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Ngô Kiều D và anh Huỳnh Tấn T.

[2] Về con chung: Giao cháu Huỳnh N, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2011 cho chị Ngô Kiều D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Anh Huỳnh Tấn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ngô Kiều D và anh Huỳnh Tấn T mỗi người phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), chị Ngô Kiều D tự nguyện nộp thay anh Huỳnh Tấn T 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng chị Ngô Kiều D phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005032 ngày 26 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Chị Ngô Kiều D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Tấn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND thị trấn Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Khiết